

**UBND HUYỆN THANH TRÌ**  
**TRƯỜNG THCS VẠN PHÚC**  
**(Đề thi có 03 trang)**

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1**

**Môn: Công nghệ 8**

Năm học 2023-2024

*Thời gian làm bài: 45 phút*

**I. Trắc nghiệm (7 điểm)**

**Câu 1:** Mặt phẳng thẳng đứng ở chính diện gọi là:

- A. Mặt phẳng hình chiếu đứng                                  B. Mặt phẳng hình chiếu bằng  
C. Mặt phẳng hình chiếu cạnh                                      D. Mặt phẳng hình chiếu

**Câu 2:** Vị trí các hình chiếu trên bản vẽ được biểu diễn là:

- A. Hình chiếu bằng ở dưới hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu đứng  
B. Hình chiếu bằng ở trên hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh ở bên trái hình chiếu đứng  
C. Hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu đứng, hình chiếu bằng ở bên trái hình chiếu đứng  
D. Hình chiếu đứng ở dưới hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu bằng

**Câu 3:** Khối tròn xoay được biểu diễn bởi bao nhiêu hình chiếu?

- A. 1                                  B. 2                                  C. 3                                  D. 4

**Câu 4:** Để nhận được hình chiếu cạnh, cần chiếu vuông góc vật thể theo hướng chiếu nào?

- A. từ trước ra sau    B. từ trên xuống dưới  
C. từ trái sang phải    D. từ phải sang trái

**Câu 5:** Khi chiếu vuông góc vật thể theo hướng từ trên xuống dưới ta nhận được hình chiếu nào?

- A. Hình chiếu đứng    B. Hình chiếu bằng  
C. Hình chiếu cạnh    D. Đáp án khác

**Câu 6:** Công dụng của bản vẽ chi tiết là:

- A. Dùng để chế tạo chi tiết máy                              B. Dùng để kiểm tra chi tiết máy  
C. Dùng để chế tạo và kiểm tra chi tiết máy              D. Đáp án khác

**Câu 7:** Trình tự đọc bản vẽ chi tiết là:

- A. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật  
B. Khung tên, kích thước, hình biểu diễn, yêu cầu kỹ thuật  
C. Hình biểu diễn, khung tên, kích thước, yêu cầu kỹ thuật  
D. Hình biểu diễn, kích thước, khung tên, yêu cầu kỹ thuật

**Câu 8:** Phần kích thước thước của bản vẽ chi tiết thể hiện điều gì?

- A. Kích thước chung: kích thước dài, rộng, cao.                      B. Kích thước bộ phận của chi tiết  
C. Cả A và B đều đúng    D. Cả A và B đều sai

**Câu 9:** Người công nhân căn cứ vào đâu để chế tạo chi tiết máy đúng như yêu cầu của người thiết kế?

- A. Bản vẽ chi tiết    B. Bản vẽ lắp  
C. Bản vẽ nhà    D. Cả ba đáp án trên

**Câu 10:** Phần nào trong bản vẽ thể hiện đầy đủ hình dạng của chi tiết?

- A. Khung tên    B. Hình biểu diễn  
C. Kích thước    D. Yêu cầu kỹ thuật

**Câu 11:** Phần kích thước trong bản vẽ chi tiết dùng để làm gì?

- A. Dùng để chế tạo chi tiết máy    B. Dùng để kiểm tra chi tiết máy  
C. Dùng để chế tạo và kiểm tra chi tiết máy                              D. Đáp án khác

**Câu 12:** Hình biểu diễn của bản vẽ chi tiết gồm:

- A. Hình chiếu    B. Hình cắt  
C. Hình chiếu đứng, hình chiếu bằng và hình chiếu cạnh  
D. Hình chiếu và hình cắt, ... tùy thuộc vào từng bản vẽ

**Câu 13:** Chọn phát biểu đúng:

- A. Bản vẽ chi tiết gồm hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật  
B. Bản vẽ chi tiết chỉ dùng để chế tạo chi tiết  
C. Đọc bản vẽ chi tiết cần phải nhận biết chính xác, đầy đủ nội dung và tuân theo trình tự nhất định  
D. Trình tự đọc bản vẽ chi tiết là: hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật, khung tên

**Câu 14:** Trong bản vẽ lắp thể hiện mấy nội dung?

- A. 2    B. 3    C. 4    D. 5

**Câu 15:** Trình tự đọc bản vẽ lắp?

- A. Hình biểu diễn → Khung tên → Bảng kê → Kích thước → Phân tích chi tiết → Tổng hợp  
B. Khung tên → Bảng kê → Kích thước → Hình biểu diễn → Phân tích chi tiết → Tổng hợp  
C. Khung tên → Bảng kê → Hình biểu diễn → Kích thước → Phân tích chi tiết → Tổng hợp  
D. Khung tên → Kích thước → Bảng kê → Hình biểu diễn → Phân tích chi tiết → Tổng hợp

**Câu 16:** Đây là nội dung của bản vẽ lắp?

- A. Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước
- B. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật
- C. Khung tên, các hình biểu diễn, kích thước
- D. Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật

**Câu 17:** Bản vẽ lắp dùng trong:

- A. Thiết kế sản phẩm
- B. Lắp ráp sản phẩm
- C. Sử dụng sản phẩm
- D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 18:** Kích thước trong bản vẽ lắp gồm

- A. Kích thước chung (dài, rộng, cao) của sản phẩm
- B. Kích thước lắp ghép giữa các chi tiết
- C. Kích thước xác định vị trí giữa các chi tiết
- D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 19:** So với bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp có thêm nội dung nào dưới đây ?

- A. Yêu cầu kỹ thuật
- B. Bảng kê
- C. Kích thước
- D. Khung tên

**Câu 20:** Bản vẽ lắp không có nội dung nào so với bản vẽ chi tiết?

- A. Hình biểu diễn
- B. Yêu cầu kỹ thuật
- C. Kích thước
- D. Khung tên

**Câu 21:** Tìm hiểu số lượng, vật liệu của một chi tiết trong bản vẽ lắp ở đâu?

- A. Khung tên
- B. Bảng kê
- C. Phân tích chi tiết
- D. Tổng hợp

**Câu 22:** Bản vẽ lắp với bản vẽ chi tiết giống nhau ở những nội dung nào ?

- A. Đề là bản vẽ kỹ thuật
- B. Đề có các hình biểu diễn
- C. Đề có kích thước và khung tên
- D. Tất cả đều đúng

**Câu 23:** Bản vẽ lắp có công dụng như thế nào đối với sản phẩm

- A. Diễn tả hình dạng, kết cấu của một sản phẩm
- B. Diễn tả vị trí tương quan giữa các chi tiết
- C. Diễn tả cách thức lắp ghép các chi tiết
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Câu 24:** Khi đọc bản vẽ nhà, sau khi đọc nội dung ghi trong khung tên ta cần làm gì ở bước tiếp theo?

- A. Phân tích hình biểu diễn
- B. Phân tích kích thước của ngôi nhà
- C. Xác định kích thước của ngôi nhà
- D. Xác định các bộ phận của ngôi nhà

**Câu 25:** Mặt đứng biểu diễn:

- A. Hình dạng, vị trí, kích thước các phòng
- B. Hình dạng bên ngoài của ngôi nhà
- C. Hình dạng, kích thước các tầng theo chiều cao
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 26:** Căn cứ vào bản vẽ nhà, người ta có thể

- A. Dự toán chi phí xây dựng
- B. Xây dựng ngôi nhà đúng như mong muốn
- C. Lắp ráp sản phẩm
- D. Cả A và B đều đúng

**Câu 27:** Vì sao người ta bổ sung bản vẽ phối cảnh của ngôi nhà?

- A. Để xác kích thước của ngôi nhà
- B. Để dễ hình dung ngôi nhà như trong thực tế
- C. Để tính toán chi phí xây dựng
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 28:** Kích thước trong bản vẽ nhà là:

- A. Kích thước chung
- B. Kích thước từng bộ phận
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

## II. Tự luận (3 điểm)

**Câu 1:** (2 điểm) Bản vẽ lắp là gì ? Nêu nội dung của bản vẽ lắp.

**Câu 2:** (1 điểm) Nêu quy trình đọc bản vẽ nhà.

HƯỚNG DẪN CHẤM  
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1  
NĂM HỌC: 2023 – 2024  
MÔN: CÔNG NGHỆ 8

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7.0 điểm)** Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

A	A	B	C	B	C	A	C	A	B	C	D	C	C
C	A	D	D	B	B	B	D	D	A	B	D	B	C

**II. TỰ LUẬN: (3,0 điểm)**

Câu 1	+ Bản vẽ lắp là tài liệu kĩ thuật chủ yếu dùng trong thiết kế, lắp ráp và sử dụng sản phẩm. Bản vẽ lắp diễn tả hình dạng, kết cấu của sản phẩm và vị trí tương quan giữa các chi tiết máy của sản phẩm. +Nội dung bản vẽ lắp: -Hình biểu diễn: Gồm hình chiếu và hình cắt diễn tả hình dạng, kết cấu và vị trí các chi tiết máy của bộ vòng đai. -Kích thước: Gồm kích thước chung của sản phẩm, kích thước lắp của các chi tiết. -Bảng kê: Gồm số thứ tự, tên gọi chi tiết, số lượng, vật liệu ... -Khung tên: Tên sản phẩm, tỷ lệ, kí hiệu bản vẽ, cơ sở thiết kế ...	1đ           1đ
Câu 2	Trình tự đọc bản vẽ nhà:  - Bước 1: Khung tên  - Bước 2: Hình biểu diễn  - Bước 3: Kích thước  - Bước 4: Các bộ phận chính	1đ

**Xác nhận của BGH**

**Duyệt của tổ trưởng chuyên môn**

**Nguyễn Thị Phương Lan**

**A.MA TRẬN:**

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao				
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1. Tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật	1		1		1				3		1,5
2. Hình chiếu vuông góc của khối hình học cơ bản	1		1			1	1		3	1	5,5
3. Bản vẽ chi tiết	1		1						2		1,0
4. Bản vẽ lắp	1		1						2		1,0
5. Bản vẽ nhà	1						1		2		1,0
Tổng số câu TN/TL	5		4		1	1	2		12	1	10
Điểm số	2,5		2,0		0,5	4,0	1,0		6,0	4,0	10
Tổng số điểm	2,5 điểm 25 %		2,0 điểm 20 %		4,5 điểm 45 %		1,0 điểm 10 %		10 điểm 100 %		100%

## A. BẢN ĐẶC TẢ

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu TL/TN		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
<b>VẼ KỸ THUẬT</b>			1	12		
<b>1. Tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật</b>	<b>Nhận biết</b>	- Nhận biết kích thước các khổ giấy (A0 – A4).		1		C1
	<b>Thông hiểu</b>	- Cách vẽ đường giống.		1		C2
	<b>Vận dụng</b>	- Xác định kích thước trên hình biểu diễn biết kích thước thật và tỉ lệ vẽ. - Ý nghĩa của bản vẽ kỹ thuật.		1		C10
<b>2. Hình chiếu vuông góc của khối hình học cơ bản</b>	<b>Nhận biết</b>	- Khái niệm hình chiếu. - Phương pháp xây dựng và bố trí hình chiếu vuông góc. - Nhận biết các loại khối và hình chiếu của các khối đó.		1		C3
	<b>Thông hiểu</b>	- Tìm vị trí hình chiếu đứng, bằng, cạnh.		1		C4
	<b>Vận dụng</b>	- Vẽ 3 hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản. - Tìm hình chiếu tương ứng với vật thể.	1	1	C1	C11
<b>3. Bản vẽ chi tiết</b>	<b>Nhận biết</b>	- Khái niệm và nội dung của bản vẽ chi tiết.		1		C5
	<b>Thông hiểu</b>	- Công dụng của bản vẽ chi tiết. - Đọc bản vẽ chi tiết.		1		C6
<b>4. Bản vẽ lắp</b>	<b>Nhận biết</b>	- Nội dung của bản vẽ lắp.		1		C7
	<b>Thông hiểu</b>	- So sánh bản vẽ lắp, bản vẽ chi tiết. - Công dụng của bản vẽ lắp.		1		C8
<b>5. Bản vẽ nhà</b>	<b>Nhận biết</b>	- Nhận biết kí hiệu quy ước đồ dùng trong ngôi nhà. - Khái niệm bản vẽ nhà.		1		C9
	<b>Vận dụng</b>	- Trình tự đọc bản vẽ nhà.		1		C12